TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **1646**/2025/DS-ST
Ngày: 25/9/2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hiền;

2. Bà Lương Thị Kim Nghĩa.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Mai Lệ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** bà Nguyễn Thị Hạnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1495/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 12 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 440/2025/QĐXXST-DS ngày 06/8/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 361/2025/QĐST-DS ngày 29/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP X; Trụ sở: 26x NKKN, phường X, Thành phố M (địa chỉ cũ: 26x NKKN, phường X, quận Y, Thành phố M); Người đại diện theo ủy quyền: bà Võ Thị Q D, sinh năm 1989; CCCD số 051189014xxx (Giấy ủy quyền số 3571/2025/UQ-TT.XLN, ngày 01/8/2025 – bà Võ Thị Q D có đơn xin vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Dương M T, sinh năm 1991; CMND số 3121400xx cấp ngày 01/7/2019 tại T G; Thường trú: 78 tổ X, khu Y, xã C B, tỉnh Đ T(địa chỉ cũ: 78 tổ X, khu Y, thị trấn C B, huyện C B, tỉnh Đ T); Tạm trú: 15x M L, phường B T Đ, Thành phố M (địa chỉ cũ: 15x M L, phường B T Đ, quận B T, Thành phố M – vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn tại tòa án cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ngày 30/3/2022 ông Dương M T đã ký với Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng – các tài liệu này sau đây gọi chung là hợp đồng). Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard –CBNV Tiki số thẻ 423238-6544, hạn mức tín dụng là 10.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất trong hạn là 2,6%/tháng, lãi quá hạn bằng 150% của lãi suất công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại.

Sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Dương M T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.051.518 đồng và thanh toán đến ngày 10/8/2023 được tổng số tiền là 4.983.931 đồng.

Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 10/9/2023 ông Dương M T không thanh toán nên đến ngày 11/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 3.993.763 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

Tính đến ngày 25/9/2025, thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard – CBNV Tiki số thẻ 423238-6544 của ông Dương M T còn nợ tổng số tiền là 7.365.096 đồng, gồm: nợ gốc 3.993.763 đồng; lãi quá hạn: 3.371.333 đồng.

Ngoài ra, ngày 27/7/2023, ông Dương M T còn đăng ký vay tiêu dùng trên ứng dụng Sacombank Pay với số tiền giải ngân là 6.000.000 đồng qua tài khoản số 211251-8451, lãi suất góp đều là 1,4%/tháng. Sau khi được giải ngân ông Dương M T không thanh toán nên ngày 26/12/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 6.740.000 đồng thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất giảm dần theo tháng là 2,4%/tháng.

Tính đến ngày 25/9/2025, khoản vay Sacombank Pay của ông Dương M T còn nợ tổng số tiền là 11.916.320 đồng, gồm: nợ gốc 6.740.000 đồng; lãi quá hạn 5.176.320 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP X yêu cầu ông Dương M T phải trả các khoản tính đến ngày 25/9/2025 như sau:

1. Thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard–CBNV Tiki số thẻ 423238-6544: tổng số tiền nợ là 7.365.096 đồng, gồm: nợ gốc 3.993.763 đồng; lãi quá hạn: 3.371.333 đồng.

2. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay giải ngân qua tài khoản số 211251-8451: 11.916.320 đồng, gồm: nợ gốc 6.740.000 đồng; lãi quá hạn 5.176.320 đồng.

3. Ông Dương M T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 đối với thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard –CBNV Tiki số thẻ 423238-6544 và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay 211251-8451 cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trước khi mở phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn là ông Dương M T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến và kết luận:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 48, khoản 2 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015:

Tòa án có tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ do đó vụ án thuộc trường hợp phải gửi hồ sơ để Viện Kiểm sát nhân dân nghiên cứu và tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh nghiên cứu tham gia phiên tòa đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ địa chỉ cư trú của bị đơn được ghi trong hợp đồng xác định thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc về Tòa án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại các điều 26, 35 và 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự tố tụng quy định tại các điều 196, 204, 205, 208, 209, 210 và 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các văn bản tố tụng của Tòa án được tống đạt hợp lệ cho đương sự theo quy định của pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 71, 72 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: ông Dương M T có 02 (hai) khoản vay với Ngân hàng TMCP X đều vi phạm nghĩa vụ thanh toán, căn cứ các điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng, Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

[1. 1] Tranh chấp giữa Ngân hàng TMCP X (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và ông Dương M T là tranh chấp dân sự phát sinh từ Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng và khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay.

[1. 2] Địa chỉ của bị đơn được ghi trong hợp đồng với Ngân hàng TMCP X là: Thường trú: 78 tổ X, khu Y, thị trấn C B, huyện C B, tỉnh Đ T (nay là 78 tổ 8, khu 3, xã Cái Bè, tỉnh Đồng Tháp); Tạm trú: 15x M L, phường B T Đ, quận B T, Thành phố M (nay là 15x M L, phường B T Đ, Thành phố M). Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh về nơi cư trú của bị đơn, kết quả: đương sự Dương M T không thường trú, không tạm trú, không thực tế cư trú địa phương. Như vậy, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của người bị kiện; người bị kiện thay đổi nơi cư trú gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ, địa chỉ 15x M L, phường B T Đ, Thành phố M (địa chỉ cũ: 15x M L, phường B T Đ, quận B T, Thành phố M) được xác định là nơi cư trú cuối cùng của bị đơn. Do đó Toà án nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về thủ tục tố tụng:

[2. 1] Do cá nhân ông Dương M T giao dịch với Ngân hàng, Ngân hàng chỉ khởi kiện yêu cầu ông Dương M T trả tiền. Ông Dương M T cũng không có yêu cầu gì trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đưa vợ ông Dương M T (nếu có) vào tham gia tố tụng trong vụ án này với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; cũng không xem xét trách nhiệm liên đới giữa ông Dương M T và vợ ông Dương M T (nếu có) để trả nợ cho Ngân hàng do không có đương sự nào yêu cầu.

[2. 2] Bà Võ Thị Q D (người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn) có đơn xin vắng mặt; ông Dương M T là bị đơn vắng mặt không có lý do, căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2. 3] Bị đơn là ông Dương M T đã được tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng không đến Tòa án để giải quyết vụ án, có nghĩa là bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh. Khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự*

phản đối đó"; khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh".* Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án:

[3. 1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy: ông Dương M T có 02 (hai) khoản nợ với Ngân hàng TMCP X, gồm: Thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard– CBNV Tiki số thẻ 423238-6544 và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay tài khoản số 211251-8451.

[3. 2] Về chủ thể, Ngân hàng TMCP X có tư cách pháp nhân, hoạt động theo Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ông Dương M T có đủ năng lực hành vi dân sự, các bên tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Hình thức của hợp đồng được lập thành văn bản, tuân theo quy định của pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

[3. 3] Xét khoản nợ Thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard –CBNV Tiki số thẻ 423238-6544, căn cứ bản tóm tắt sao kê quá trình sử dụng thẻ, nhận thấy, sau khi được cấp thẻ tín dụng, ông Dương M T đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 7.051.518 đồng và thanh toán đến ngày 10/8/2023 được tổng số tiền là 4.983.931 đồng. Bắt đầu từ kỳ thanh toán ngày 10/9/2023 ông Dương M T không thanh toán nên đến ngày 11/12/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ 3.993.763 đồng làm nợ gốc và áp dụng lãi suất nợ quá hạn.

[3. 4] Xét khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay, căn cứ bản tóm tắt sao kê, thấy rằng: ông Dương M T đã được giải ngân số tiền 6.000.000 đồng qua tài khoản số 211251-8451, lãi suất góp đều là 1,4%/tháng, nhưng sau khi được giải ngân ông Dương M T không thanh toán nên ngày 26/12/2023 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ 6.740.000 đồng thành nợ quá hạn và áp dụng lãi suất giảm dần theo tháng là 2.4%/tháng.

[3. 5] Như vậy, ông Dương M T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đã được hai bên thỏa thuận, căn cứ Điều 463 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 – Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

[5. 1] Ngân hàng TMCP X được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

[5. 2] Ông Dương M T phải nộp án phí tính trên số tiền phải trả cho Ngân hàng TMCP X.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 40; khoản 2 Điều 91; khoản 2 Điều 92; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ các điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP X đối với ông Dương M T liên quan đến Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng mà hai bên đã ký ngày 30/3/2022 và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 27/7/2023, giải ngân qua tài khoản số 211251-8451. Ông Dương M T phải trả cho Ngân hàng TMCP X các khoản sau đây:

1. 1. Khoản nợ của thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard–CBNV Tiki số thẻ 423238-6544, tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2025 là 7.365.096 (bảy triệu, ba trăm sáu mươi lăm nghìn, không trăm chín mươi sáu) đồng, gồm: nợ gốc 3.993.763 (ba triệu, chín trăm chín mươi ba nghìn, bảy trăm sáu mươi ba) đồng; lãi quá hạn: 3.371.333 (ba triệu, ba trăm bảy mươi mốt nghìn, ba trăm ba mươi ba) đồng.

1. 2. Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay tài khoản số 211251-8451, tổng số tiền tính đến ngày 25/9/2025: 11.916.320 (mười một triệu, chín trăm mười sáu nghìn, ba trăm hai mươi) đồng, gồm: nợ gốc 6.740.000 (sáu triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn) đồng; lãi quá hạn 5.176.320 (năm triệu, một trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm hai mươi) đồng.

1. 3. Ông Dương M T phải tiếp tục trả khoản tiền lãi phát sinh từ ngày 26/9/2025 đối với thẻ tín dụng VS Cre Platinum Tiki Fastcard –CBNV Tiki ngày 30/3/2022, số thẻ 423238-6544 và Khoản vay tiêu dùng Sacombank Pay ngày 27/7/2023, tài khoản số 211251-8451 cho đến ngày trả hết nợ theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2. 1. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP X số tiền tạm ứng án phí là 358.603 (ba trăm năm mươi tám nghìn, sáu trăm lẻ ba) đồng theo biên lai số 0048381 ngày 20/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh).

2. 2. Ông Dương M T phải nộp 964.071 (chín trăm sáu mươi bốn nghìn, không trăm bảy mươi mốt) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND khu vực 9;
- THADS TP,HCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Liên